

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa tọa lạc tại số 53 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa trên cơ sở tổ chức lại Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được xây dựng trên khuôn viên với diện tích 12.381.1m². Cơ sở vật chất được sử dụng chung với cơ sở vật chất hiện có của trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa với tổng số 80 phòng học và đủ các phòng chức năng: thư viện, phòng thí nghiệm Lý Hóa Sinh, phòng vi tính. Các phòng chức năng, các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập đáp ứng được yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục. Trường đủ khả năng tổ chức bán trú cho học sinh; có căn tin, nhà để xe (cho giáo viên và học sinh).

- Trong quá trình hình thành và phát triển nhà trường luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận 1, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn hết mình vì sự nghiệp giáo dục. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, lãnh đạo tốt các hoạt động của chính quyền và đoàn thể. Các tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh ... hoạt động xuất sắc góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

- Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa có nguồn tài chính đảm bảo cho trường hoạt động gồm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí. Các nguồn thu trên được nhà trường quản lý đúng quy định của Nhà nước, sử dụng đúng mục đích, công bằng, công khai, minh bạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Năm học 2024 – 2025, trường có 15 lớp với 542 học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường là 46, trong đó 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đạt chuẩn, 21 cán bộ - giáo viên trên chuẩn. Chi bộ Đảng gồm 9 đảng viên.

- Trong năm qua, Trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa đã từng bước khẳng định được uy tín, là trường có chất lượng giáo dục cao trong Thành phố.

- Phương hướng phấn đấu của trường trong giai đoạn 2024 – 2029 là: Trở thành ngôi trường nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển học thuật, năng lực xã hội



và cảm xúc của học sinh, đồng thời hình thành tư duy toàn cầu để sẵn sàng đón nhận thử thách và trở thành nhân tố tích cực, có trách nhiệm với gia đình, đất nước và cộng đồng quốc tế; cụ thể:

+ Hoàn thành các nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo giao cho trường. Tiếp tục đưa trường tiệm cận và đạt chất lượng đào tạo ngang bằng với các trường trung học phổ thông tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

+ Từng bước đạt mức độ kiểm định chất lượng (hiện nay trường chưa thực hiện tự đánh giá do mới thành lập được một năm): Phân đầu đến năm 2028 đạt kiểm định chất lượng cấp độ 1.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Trần Thị Hồng Thủy

Chức vụ: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 53 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Số điện thoại: 0913115878

Địa chỉ thư điện tử: hongthuytranthi16@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

- Định mức số lượng người làm việc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 90

+ Cán bộ quản lý: 02 (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

+ Giáo viên: 30

+ Nhân viên: 10 (01 Kế toán; 01 Y tế; 01 Văn thư; 01 Thủ quỹ; 01 thư viện; 01 thiết bị, thí nghiệm; 01 công nghệ thông tin; 01 giáo vụ; 01 tư vấn học sinh; 01 hỗ trợ người khuyết tật, 1 nhân viên khác)

- Số lượng người làm việc hiện có:

	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên	Nhân viên								
				Kế toán	Y tế	Văn thư	Thủ quỹ	Thư viện	Thiết bị, thí nghiệm	Hỗ trợ giáo dục khuyết tật	Giáo vụ	Công nghệ thông tin
Số lượng	01	01	23	01	0	0	0	01	01	0	01	01

- Trình độ đội ngũ

+ Trình độ chuyên môn

CHUYÊN MÔN	Tổng	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	THPT	Khác (Còn lại)
Cán bộ quản lý	02	02					

Giáo viên	23	16	07				
Nhân viên	05	01	03		01		

+ Trình độ tin học

CHUYÊN MÔN	Tổng	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	THPT	Khác (Còn lại)
Cán bộ quản lý	02						02
Giáo viên	23		01				22
Nhân viên	05						05

+ Trình độ ngoại ngữ

CHUYÊN MÔN	Tổng	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	THPT	Khác (Còn lại)
Cán bộ quản lý	02	01	01				
Giáo viên	23	04					17
Nhân viên	05						05

+ Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng thường xuyên

CDNN/BDTX	Đã có chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tỷ lệ (%)	Đã có kết quả công nhận hoàn thành BDTX	Tỷ lệ (%)
Giáo viên	23	100	23	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	36/1	
III	Số điểm trường	1	

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.381.1	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1600	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	750	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	516	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	80	
3	Diện tích thư viện (m ²)	1000	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 6	5	
2	Khối lớp 10	5	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	130	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	14	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...(màn chiếu)	11	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	1(480m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích(m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	20	2580	2,5m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X	X	X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0		

	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			
XVII	Kết nối internet (ADSL)		X			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X			
XIX	Tường rào xây		X			

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Danh mục sách giáo khoa lớp 6 năm học 2024 – 2025

MÔN	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
NGŨ VĂN 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TOÁN 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TIẾNG ANH PHỔ THÔNG 6	Tiếng Anh 6 FRIENDS PLUS	NXB Giáo dục Việt Nam
TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH THEO ĐỊNH HƯỚNG CCQT 6	Solutions Grade 6	NXB Oxford
KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TIN HỌC 6	Cánh Diều	NXB Đại học Sư phạm
CÔNG NGHỆ 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
ÂM NHẠC 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
MỸ THUẬT 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

TH
ƯỜNG
ĐC C
C PH
ĐẠI N

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 6	Chân trời sáng tạo 1	NXB Giáo dục Việt Nam
--	----------------------	-----------------------

+ Danh mục sách giáo khoa lớp 10 năm học 2024-2025:

MÔN	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
NGỮ VĂN 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TOÁN 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TIẾNG ANH PHỔ THÔNG 10	Tiếng Anh 10 FRIENDS GLOBAL	NXB Giáo dục Việt Nam
VẬT LÝ 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
HÓA HỌC 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
SINH HỌC 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
LỊCH SỬ 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
ĐỊA LÝ 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
GD KT PL 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
TIN HỌC 10	Cánh Diều	NXB Đại học Sư phạm
CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống (Bóng rổ, Bóng chuyền, Cầu lông)	NXB Giáo dục Việt Nam
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10	Cánh diều	NXB Đại học Sư phạm
ÂM NHẠC 10	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
MỸ THUẬT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống (Thiết kế thời trang, Kiến trúc, Thiết kế Đồ họa, Mỹ thuật Đa phương tiện)	NXB Giáo dục Việt Nam
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10	Chân trời sáng tạo 1	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Trường chưa thực hiện do mới thành lập năm 2024.

- Phương hướng phấn đấu của trường trong giai đoạn 2024 – 2029 là: Trở thành ngôi trường nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển học thuật, năng lực xã hội và cảm xúc của học sinh, đồng thời hình thành tư duy toàn cầu để sẵn sàng đón nhận thử thách và trở thành nhân tố tích cực, có trách nhiệm với gia đình, đất nước và cộng đồng quốc tế; cụ thể:

+ Hoàn thành các nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo giao cho trường. Tiếp tục đưa trường tiệm cận và đạt chất lượng đào tạo ngang bằng với các trường trung học phổ thông tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

+ Từng bước đạt mức độ kiểm định chất lượng (hiện nay trường chưa thực hiện tự đánh giá do mới thành lập được một năm): Phần đầu đến năm 2028 đạt kiểm định chất lượng cấp độ 1.

- Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng hoạt động như sau: Nhà trường đã cụ thể hóa kế hoạch từng năm học. Cuối mỗi tháng có họp giao ban kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của tháng, cuối mỗi học kỳ, mỗi năm đều có đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm học, rà soát đối chiếu, có giải pháp rút kinh nghiệm.

- Do vậy, nhà trường luôn xác định đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là giải pháp đột phá tạo tiền đề cho sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đáp ứng được các yêu cầu về số lượng, cơ cấu và chất lượng; có phẩm chất đạo đức nhà giáo, đạt chuẩn và vượt chuẩn về trình độ chuyên môn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân

- Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng và tổ chức sinh hoạt các chuyên đề thường xuyên, nhất là các chuyên đề về đổi mới kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo Hội đồng Khoa học Công nghệ của trường tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường để các tổ có sự chuẩn bị chu đáo cho năm học sau. Trên cơ sở đó, tuyển chọn những sản phẩm có chất lượng tham dự cấp Thành phố, đồng thời nhân rộng phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh. Đối với các tổ có ít nhân sự, nghiệp vụ giáo viên chưa đều tay, hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng bố trí thời gian hợp lý tổ chức sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu, tập huấn, thao giảng, dự giờ nhằm nâng cao nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn cho tổ. Hiệu trưởng khuyến khích tạo điều kiện và cử cán bộ giáo viên tham gia tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý.

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho các hoạt động học tập và giáo dục học sinh, đặc biệt là chuẩn bị cho chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Các điều chỉnh được thực hiện kịp thời trong suốt năm học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Giáo viên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa rất tích cực chủ động dự giờ, thăm lớp, trao đổi kinh nghiệm trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục của những tổ bộ môn có hiệu quả giáo dục tốt.

ANH
ĐỒ VÀ
THÔNG
HIỂU
HƯỚNG

- Đầu năm học, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác học sinh xây dựng và điều chỉnh các kế hoạch sao cho phù hợp với điều kiện của trường, của học sinh. Thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

- Nhà trường tập trung hơn nữa vào việc giúp đỡ học sinh có kết quả rèn luyện năng lực và phẩm chất còn hạn chế. Cụ thể là giao nhiệm vụ cho giáo viên bộ môn tổ chức dạy tại lớp chú ý đến học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập, tổ chức dạy phụ đạo có hiệu quả. Giáo viên chủ nhiệm quan tâm quản lý chất lượng giáo dục toàn diện đối với học sinh đạt kết quả rèn luyện chưa tốt, kết hợp với cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch rèn luyện năng lực và phẩm chất tại nhà có sự theo dõi của cha mẹ, giáo viên chủ nhiệm.

- Nhà trường tập trung hơn nữa vào việc giúp đỡ học sinh có kết quả rèn luyện năng lực và phẩm chất còn hạn chế. Cụ thể là giao nhiệm vụ cho giáo viên bộ môn tổ chức dạy tại lớp chú ý đến học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập, tổ chức dạy phụ đạo có hiệu quả. Giáo viên chủ nhiệm quan tâm quản lý chất lượng giáo dục toàn diện đối với học sinh đạt kết quả rèn luyện chưa tốt, kết hợp với cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch rèn luyện năng lực và phẩm chất tại nhà có sự theo dõi của cha mẹ, giáo viên chủ nhiệm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 10	Lớp...	Lớp...
I	Số học sinh đầu năm	547	355	192		
II	Số lớp	15	10	5		
III	Số học sinh bình quân/lớp		36	42		
IV	Số học sinh học 2 buổi	543	354	189		
V	Số học sinh nam/số học sinh nữ	317/230	238/117	79/113		
VI	Số học sinh dân tộc thiểu số	12	07	05		
VII	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	543/543 100%	354/354 100%	189/189 100%		
2	Khá	00	00	00		

	(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
VIII	Số học sinh chia theo kết quả học tập					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	542 99.82%	353 99.72%	189 100%		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.18%	01 0.28%	00		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
IX	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	543/543 100%	354 100%	189 100%		
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	349 65.01%	298 84.89%	55 15.54%		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	189 34.81%	151 79.89%	38 20.11%		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		

TRƯỜNG THPT CHÍ LỆ

4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.18%	00	01		
	Chuyển trường đi và du học (tỷ lệ so với tổng số)	06 01.1%	01	05		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00		
X	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố K12	Chưa có hs 12	00	00		
2	Máy tính cầm tay K12	Chưa có hs 12	00	00		
3	Cuộc thi Khoa học kỹ thuật	3	00	3		
4	Olympic TPHCM (K10)	25	00	25		
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00		
XI	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	Chưa có hs 12				
XII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	Chưa có hs 12				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					

XIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có hs 12				
-------------	--	----------------------	--	--	--	--

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kết quả thu chi hoạt động:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2024	Năm trước liền kề 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	15.259.458.929	
I	Thu từ ngân sách nhà nước	7.108.089.000	
II	Thu Học phí và các khoản thu khác	7.918.170.800	
1	- Học phí công lập	89.700.000	
2	Tổ chức 2 buổi/ngày	649.200.000	
3	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	606.600.000	
4	Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các CCQT (Tiếng Anh CCQT)	214.410.000	
5	Tổ chức các lớp học theo Đề án (Tin học theo chuẩn đầu ra các CCQT)	367.880.000	
6	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	149.424.000	
7	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Ngoại ngữ tự chọn)	461.610.000	
8	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Tiếng Đức)	36.374.000	
9	Tổ chức chương trình học Ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	329.600.000	
10	Tổ chức các lớp học theo ĐA "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam"	721.275.000	
11	Tổ chức chương trình học ngoại khóa	124.900.000	
12	Bảo hiểm tai nạn	16.260.000	
13	Bảo hiểm y tế học sinh	468.795.600	
14	Căn tin - bãi xe	58.000.000	
15	Học phẩm	27.300.000	



16	Khám sức khỏe học sinh ban đầu	27.300.000	
17	Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ HS bán trú	54.200.000	
18	Nguồn thu hộ, chi hộ khác	779.397.200	
19	Sách giáo khoa CT tích hợp	31.655.000	
20	Suất ăn trưa bán trú	1.436.920.000	
21	Tài trợ, viện trợ theo thông tư 16	734.720.000	
22	Thu tiền sử dụng máy lạnh	153.710.000	
23	Thực hiện chương trình kích cầu đầu tư (Đầu tư thư viện tiên tiến, hiện đại)	313.780.000	
24	Tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Sổ liên lạc điện tử)	32.700.000	
25	Tiền nước uống học sinh	32.460.000	
III	Thu khác	233.199.129	
1	- Cho thuê mặt bằng căn tin, bãi xe	232.000.000	
2	- Lãi tiền gửi thanh toán	1.199.129	
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	12.665.859.857	
I	Chi lương, thu nhập	9.370.552.541	-
1	Chi lương, thu nhập từ NSNN	6.069.445.572	
2	Chi lương, thu nhập từ nguồn thu khác	3.301.106.969	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	3.295.307.316	-
1	Chi cho đào tạo		
4	Chi phí chung và chi khác	3.295.307.316	
III	Chi hỗ trợ người học	-	-
1	Hỗ trợ chi phí học tập	-	
D	Số dư các quỹ	1.095.328.849	-
1	Phát triển hoạt động sự nghiệp	306.610.295	
2	Quỹ khen thưởng	48.451.409	
3	Quỹ Phúc lợi	239.826.100	
4	Quỹ Bổ sung thu nhập	500.441.045	

2. công khai thu học phí và các khoản thu khác từ học sinh NH 2024 – 2025:

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	NH 2024 - 2025		DỰ KIẾN NH 2025 - 2026; 2026 - 2027	
		MỨC THU	THU THEO THÁNG/NĂM	MỨC THU	THU THEO THÁNG/NĂM
1	Học phí				
1.1	Học phí khối THCS			Tạm thời chưa thu chờ hướng dẫn	
1.2	Học phí khối THPT	120.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	Tạm thời chưa thu chờ hướng dẫn	
2	Thu thỏa thuận				
2.1	Tổ chức 2 buổi/ngày	300.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	300.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.2	Tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học				
2.2.1	<i>Khối THCS (lớp Toán Khoa)</i>	800.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	800.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các CCQT (Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế)				
2.3.1	<i>Khối THCS (lớp thường; lớp Tiếng Đức)</i>	150.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	150.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.3.2	<i>Khối THPT</i>	345.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	345.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.4	Tổ chức các lớp học theo ĐA "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho HS phổ thông TP.HCM theo định hướng chuẩn QT, giai đoạn 2021- 2030" (Tin học theo chuẩn đầu ra các CCQT)	170.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	170.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.5	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (ngoại ngữ tự chọn)	230.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	230.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.6	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài				
2.6.1	<i>Khối THCS (lớp thường; lớp Toán Khoa)</i>	264.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	264.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.7	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Tiếng Đức)				

2.7.1	Khối THCS (lớp Tiếng Đức)	230.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	230.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.8	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú				
2.8.1	Khối THCS	300.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	300.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
2.8.2	Khối THPT	250.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	250.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
3	Các khoản thu khác từ người học				
3.1	Bảo hiểm y tế	884.520đ/HS	Từ tháng 01 - 12/2025	884.520đ/HS	Từ tháng 01 - 12
3.2	Bảo hiểm tai nạn	30.000đ/HS/năm	Năm học	30.000đ/HS/năm	Năm học
3.3	Nước uống học sinh	15.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	15.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm
3.4	Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000đ/HS/năm	Năm học	200.000đ/HS/năm	Năm học
3.5	Suất ăn trưa bán trú	40.000đ/suất	Theo số ngày ăn thực tế	40.000đ/suất	Theo số ngày ăn thực tế
3.6	Học phẩm	100.000đ/HS/năm	Năm học	100.000đ/HS/năm	Năm học
3.7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Sổ liên lạc điện tử)	120.000đ/HS/năm	Năm học	120.000đ/HS/năm	Năm học
3.8	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	50.000đ/HS/năm	Năm học	50.000đ/HS/năm	Năm học
3.9	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học	95.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm	95.000đ/HS/tháng	9 tháng/năm

3. Về chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Trong năm học 2024-2025 không có trường hợp nào miễn, giảm học phí.

4. Công khai kết quả thực hiện kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024-2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí được phê duyệt	Kinh phí thực tế vận động được		Sử dụng kinh phí
			Số tiền	Hình thức nhận tài trợ	
I	Hỗ trợ cơ sở vật chất				
1	Hỗ trợ trang bị 20 máy vi tính cho phòng máy vi tính 2	360.000.000đ	360.000.000đ	Bằng tiền	332.240.000đ
II	Hỗ trợ hoạt động giáo dục				

1	Hỗ trợ học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.	100.000.000đ	100.000.000đ	Bằng tiền	89.608.000đ
2	Hỗ trợ tổ chức các cuộc thi cấp trường; hỗ trợ học sinh dự thi cấp Thành phố và cấp Quốc gia.	100.000.000đ	100.000.000đ	Bằng tiền	22.304.669đ
3	Hỗ trợ các hoạt động phong trào, văn mỹ nghệ, lễ hội, các sự kiện của học sinh.	150.000.000đ	179.720.000đ	Bằng tiền	143.109.635đ
	Tổng cộng	710.000.000đ	739.720.000đ		587.262.304đ

Số còn dư trong năm học 2024 – 2025: 152.457.696đ sẽ được tiếp tục sử dụng cho các nội dung trong hè của năm học 2024-2025 (nếu có).

5. Công khai tài chính:

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nội dung công khai theo quy định được nhà trường dán tại phòng Kế toán – Hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường: <http://thcsthpttrandainghia.edu.vn/>

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Một số thành tích nổi bật khác:

- Cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học cấp Thành phố năm học 2024 - 2025: 03 dự án (01 dự án đạt giải Nhì, 01 dự án đạt giải Ba cấp THPT).

- Tham gia Cuộc thi Olympic TPHCM dành cho HS THPT: 1 giải nhất, 12 giải nhì, 12 giải ba.

- Tổ chức chuyên đề Hóa – Sinh cho học sinh khối 10 do Giảng viên Đại học Quốc tế thực hiện.

- Tổ chức tiết học trực tuyến với Đại học Y Đà Bắc, tổ chức tiết học trực tuyến với Đại học Hải dương Đà Bắc.

- Tham gia Kỳ thi Toán Quốc tế AMO 2024: 67 giải.

- Tham gia Kỳ thi Toán Quốc tế SASMO 2024: 80 giải.

- Tham gia Kỳ thi ATGT vì nụ cười ngày mai cấp Thành phố: 1 Nhất; 3 Nhì; 3 Ba.

- Tham gia cuộc thi Văn Hay Chữ Tốt cấp TP (8/1/2025): 1 giải Khuyến khích.
- Tham gia cuộc thi Lớn lên cùng sách cấp TP (4/2025): 1 giải Nhì, 1 giải Khuyến khích.
- Tham gia Hội thi GDQP và AN (7/1/2025): 4 HS lớp 10TH2.
- Tham gia Hội thi Sáng tác ảnh cấp TP: 2 Giải Nhì, 1 Giải Ba, 1 Giải KK.
- Tham gia Giải Cúp học đường khiêu vũ thể thao TPHCM 2024 đạt nhiều thành tích cao.
- Tham gia các cuộc thi quốc gia, khu vực và thành phố đạt nhiều thành tích cao môn Bơi lội; môn Judo.
- Tham gia Giải thể thao học sinh thành phố: 1 HCV, 1 HCB, 7 HCD.

2. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể

- 02 học sinh đạt danh hiệu Học sinh tiêu biểu Học tập và Làm theo lời Bác năm học 2024 – 2025 .
- Tham gia Hội thi trực tuyến kỷ niệm 110 năm ngày sinh anh hùng Lý Tự Trọng do Quận đoàn 1 tổ chức: 1 giải Nhì, 2 giải Ba, 1 giải Khuyến khích.
- Tổ chức lớp Cảm tình Đoàn, Lễ kết nạp Đoàn viên, Lễ Kết nạp Đội viên.
- Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội Liên đội, các hoạt động VHVN, sinh hoạt chủ điểm, sinh hoạt dưới cờ.
- Hoạt động tham gia Hội trại truyền thống 9/1: Giải Khuyến khích toàn trại.
- Hoạt động Ngoại khóa ngoài nhà trường: Khối 6 đi Bình Dương, Khối 10 đi Đà Lạt.
- Tổ chức tìm hiểu ngành nghề tại Đại học Ngoại thương, Bách khoa, RMIT (khối 10).
- Tổ chức Hội thảo về Phương pháp nghiên cứu khoa học cho học sinh.
- Tổ chức chuyên đề PCCC và kỹ năng thoát nạn, thoát hiểm cho GV, NV, học sinh.
- Tổ chức Giải thể thao học sinh cấp trường môn bóng đá, bóng rổ.
- Tham gia Cuộc thi “Hành động xanh – Trường học xanh”: Giải Ba và Giải Khuyến khích.
- Tham gia Cuộc thi “Học sinh – sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” STARTUP cấp thành phố năm học 2024-2025: 1 dự án tham gia.
- Tham gia hội thi Tin học trẻ cấp Quận, hội thi Tin học trẻ cấp Thành phố(11/05/2025).
- Tham gia Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng TP. HCM(18/05/2025).
- Tham gia Cuộc thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm học 2024 – 2025.
- Đánh giá mô hình Công Dân Học Tập 2024; Đơn vị học tập 2024.
- Tham gia ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi Bão số 3 YAGI.
- Tổ chức Chuyên đề Giáo dục giới tính cho học sinh khối 6, nữ sinh khối 10, nam sinh khối 10.

- Tổ chức Hội thi “Nét vẽ xanh” cấp trường.
- Giáo viên – Nhân viên tham gia Hội thi “Nhà giáo với ẩm thực 3 miền”
- Tổ chức chuỗi hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: Thi cắm hoa, thi viết bài cảm nhận.
- Giáo viên, nhân viên, học sinh dự thi Vòng 1 Hội thi “Đảng ta thật là vĩ đại” do Quận ủy Quận 1 tổ chức; vòng chung kết Hạng 2.
- Phối hợp tổ chức Ngày hội Toán học mở TPHCM 2024.
- Tổ chức chương trình “Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Cần Giờ, Vì người bạn ngoại thành”, kết nghĩa với trường tiểu học Bình Khánh.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Trang bị 20 máy vi tính cho Phòng học thông minh (Tài trợ TT16).
- Cải tạo trang bị mới một số trang thiết bị phòng học.
- Sửa chữa, cải tạo sân thể thao; hành lang và sảnh tập trung học sinh.
- Thực hiện mảng xanh khuôn viên lớp học.
- Trang bị trụ phân luồng bảo đảm an toàn cho học sinh đi bộ trong sân trường.

4. Công tác bán trú, đưa rước học sinh

- Thực hiện công tác ăn - ngủ bán trú cho trên 537 học sinh (tỉ lệ 98%) – Xe đưa rước cho trên 200 học sinh. Việc chăm lo bán trú, xe đưa rước cho học sinh được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo qui định, có sự phối hợp giám sát của BDD-CMHS trường.

- Thực hiện việc khám sức khỏe định kì, BHYT, chăm sóc y tế ban đầu và hỗ trợ tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.

5. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Trang bị 20 máy vi tính cho phòng học thông minh.
- Thực hiện Kế hoạch nhà trường về xây dựng học liệu số, chia sẻ học liệu trực tuyến và hướng dẫn học sinh khai thác tài nguyên học liệu số trên Vietschool.
- Ứng dụng CNTT trong dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hồng Thủy

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..
... ..

